

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

## QUYỂN XVI

### Phẩm 20: PHẠM HẠNH 3

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Như Phật Thế Tôn vì Tôn giả Xá-lợi-phất nói: “Điều thế gian biết, Ta cũng biết, điều thế gian không biết, Ta cũng biết hết”. Nghĩa đó như thế nào?

–Này thiện nam! Tất cả thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu Phật tánh. Nếu có biết, thấy, hiểu Phật tánh thì chẳng gọi là thế gian mà gọi là Bồ-tát. Người thế gian cũng lại chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu Mười hai bộ loại kinh điển, Mười hai nhân duyên, Bốn điên đảo, Bốn đế, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Đại Bát Niết Bàn. Nếu họ biết, thấy, hiểu thì chẳng gọi là thế gian mà phải gọi là Bồ-tát. Này thiện nam! Đó gọi là thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu. Sao gọi là điều biết, thấy, hiểu của thế gian? Đó là gọi Phạm thiên, Tự Tại thiên, Bát Tỷ thiên v.v..., tánh, thời, vi trần, pháp và phi pháp là chủ tạo hóa, thế giới chung, thí, chấp hai kiến đoạn, thường. Nói rằng, Sơ thiền cho đến Phi tưởng phi phi tưởng gọi là Niết-bàn. Này thiện nam! Đó gọi là sự biết, thấy, hiểu của thế gian. Đại Bồ-tát đối với việc như vậy cũng biết, thấy, hiểu. Bồ-tát biết, thấy, hiểu như vậy rồi, nếu nói rằng, chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu thì đó là hư vọng, mà pháp hư vọng thì là tội lỗi. Vì tội lỗi nên đọa vào địa ngục. Này thiện nam! Hoặc nam, hoặc nữ, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn nói rằng, không có đạo, Bồ-đề, Niết-bàn thì phải biết hạng người này gọi là Nhất-xiển-đề, là quyến thuộc của ma, gọi là bài báng pháp. Bài báng pháp như vậy gọi là bài báng chư Phật. Người như vậy chẳng

gọi là thế gian, chẳng gọi là chẳng phải thế gian.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp nghe việc như vậy rồi liền dùng kệ mà khen ngợi Đức Phật:

*Đấng thương xót chúng sinh  
Nên nay con về nương  
Khéo nhớ mọi tên độc  
Nên xưng Đại Y Vương.  
Thầy thuốc ở thế gian  
Trị lành nhưng bệnh lại  
Đức Như Lai trị bệnh  
Hoàn toàn chẳng tái phát  
Thuốc cam lồ của Phật  
Dem ban cho chúng sinh  
Mà chúng sinh đã uống  
Thì chẳng chết, chẳng sinh  
Vì con nay Đức Phật  
Diễn nói Đại Niết-bàn  
Chúng sinh nghe bí tạng  
Liền đắc chẳng sinh diệt.*

Bồ-tát Ca-diếp nói bài kệ này rồi, liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, điều mà tất cả thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, Bồ-tát đều có thể biết, thấy, hiểu. Giả sử Bồ-tát là người thế gian thì không được nói, thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu mà Bồ-tát có thể biết, thấy, hiểu. Nếu chẳng phải là thế gian thì có tướng gì khác?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nói Bồ-tát cũng là thế gian, cũng chẳng phải là thế gian; chẳng biết, thấy, hiểu thì gọi là thế gian, còn biết, thấy, hiểu thì chẳng gọi là thế gian. Ông nói có gì khác, thì Ta nay sẽ nói. Này thiện nam! Hoặc nam hoặc nữ, nếu mới nghe kinh Niết-bàn này mà liền sinh ra kính tín phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đó gọi là Bồ-tát thế gian. Mà tất cả thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu thì như vậy Bồ-tát cũng đồng thế gian chẳng biết,

chẳng thấy, chẳng hiểu. Bồ-tát nghe kinh Niết-bàn này rồi biết có thế gian chẳng biết, thấy, hiểu điều mà Bồ-tát đáng lẽ phải biết, thấy, hiểu. Biết việc đó rồi, Bồ-tát liền tự tư duy: “Ta phải dùng phương tiện gì để tu tập cho được biết, thấy, hiểu”. Rồi lại tự nghĩ: “Chỉ có chí tâm tu trì tịnh giới”. Này thiện nam! Bấy giờ, Bồ-tát do nhân duyên này, nên vào đời vị lai sinh đến chỗ nào thì giới thường thanh tịnh. Này thiện nam! Đại Bồ-tát do giới thanh tịnh nên sinh đến bất cứ chỗ nào thường không kiêu mạn, tà kiến, nghi hoặc và nhất định chẳng nói, Như Lai rất ráo vào Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-tát tu trì tịnh giới. Giới đã thanh tịnh, tiếp theo là tu thiền định. Do tu định nên sinh ở nơi nào, chẳng mất chánh niệm. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Mười hai bộ loại kinh điển, chư Phật Thế Tôn thường, lạc, ngã, tịnh, tất cả Bồ-tát an trụ ở kinh Đại Niết-bàn Phương Đẳng, đều thấy Phật tánh. Những việc như vậy v.v... nhớ nghĩ mà chẳng quên. Nhân tu định nên được mười một không. Đó gọi là Bồ-tát tu định thanh tịnh. Giới, định đã đủ, tiếp theo tu tuệ. Do tu tuệ nên chẳng chấp trước trong thân có ngã, trong ngã có thân, là thân, là ngã, chẳng phải thân, chẳng phải ngã v.v... Đó gọi là Bồ-tát tu tập tịnh tuệ. Do tu tuệ nên việc thọ trì giới bền chắc chẳng động. Này thiện nam! Ví như núi Tu-di chẳng bị bốn thứ gió làm rung động. Đại Bồ-tát cũng như vậy, chẳng bị bốn điên đảo làm rung động. Này thiện nam! Bấy giờ Bồ-tát tự biết, thấy, hiểu giới đã thọ trì không bị khuynh động. Đó gọi là sự biết, thấy, hiểu của Bồ-tát, chẳng phải thế gian. Này thiện nam! Bồ-tát thấy sự trì giới bền chắc chẳng động, tâm không hối hận. Vì không hối hận nên tâm được hoan hỷ. Vì được hoan hỷ nên tâm an vui. Vì được an vui nên tâm yên ổn. Vì tâm yên ổn nên được định vô động. Vì được định vô động nên được thật tri kiến. Vì được thật tri kiến nên chán lìa sinh tử. Vì chán lìa sinh tử nên liền được giải thoát. Vì được giải thoát nên thấy ánh sáng Phật tánh. Đó gọi là sự biết, thấy, hiểu của Bồ-tát, chẳng phải thế gian. Này thiện nam! Đó gọi là thế gian chẳng biết, thấy, hiểu mà là sự biết, thấy, hiểu của Bồ-tát.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Sao gọi là Bồ-tát tu trì tịnh giới, tâm không hối hận cho đến

thấy rõ Phật tánh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Giới thế gian thì chẳng gọi là thanh tịnh. Vì sao? Vì giới thế gian đối với có nên có tánh bất định, chẳng phải rốt ráo, chẳng thể rộng lớn vì tất cả chúng sinh. Do nghĩa này nên gọi là bất tịnh. Do bất tịnh nên có tâm hối hận. Do hối hận nên tâm chẳng hoan hỷ. Do không hoan hỷ nên không an vui. Do không an vui nên không yên ổn. Do không yên ổn nên không có định bất động. Do không có định bất động nên không có tri kiến chân thật. Do không có tri kiến chân thật nên không chán lìa. Do không chán lìa nên không giải thoát. Do không giải thoát nên chẳng thấy Phật tánh. Do chẳng thấy Phật tánh nên nhất định chẳng thể được Đại Bát Niết Bàn. Đó gọi là giới thế gian chẳng thanh tịnh. Này thiện nam! Giới thanh tịnh của Đại Bồ-tát là, giới chẳng phải giới, vì chẳng phải là có, vì nhất định rốt ráo, vì chúng sinh. Đó gọi là giới của Bồ-tát thanh tịnh. Này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tịnh giới, tuy chẳng muốn sinh tâm không hối hận, nhưng tâm không hối hận tự nhiên sinh khởi. Này thiện nam! Ví như có người cầm giữ gương sáng, chẳng mong thấy mặt mà hình dáng mặt tự hiện lên, cũng như người nông phu gieo hạt vào ruộng tốt, chẳng mong mọc mầm mà mầm tự mọc ra, cũng như thấp đèn, chẳng mong tiêu diệt bóng tối mà bóng tối tự diệt. Này thiện nam! Đại Bồ-tát giữ vững tịnh giới, tâm không hối hận tự nhiên sinh khởi cũng như vậy. Do tịnh giới nên tâm được hoan hỷ. Này thiện nam! Như người đẹp đẽ tự thấy diện mạo, lòng sinh hoan hỷ, người trì tịnh giới cũng như vậy. Này thiện nam! Người phá giới, thấy giới bất tịnh, tâm chẳng hoan hỷ. Như người tàn phế tự thấy diện mạo, chẳng sinh vui vẻ. Này thiện nam! Ví như hai người con gái chăn bò, một người mang bình đựng váng sữa, một người mang bình đựng nước uống. Cả hai đều cùng đến thành phố để bán, trên đường đi trượt chân ngã, cả hai bình đều vỡ. Một người thì hoan hỷ, một người thì sầu não. Trì giới, phá giới cũng như vậy. Người trì giới thì tâm hoan hỷ, vì tâm hoan hỷ nên liền suy nghĩ: “Các Đức Phật Như Lai ở trong Niết-bàn nói, người có thể trì giới thanh tịnh thì được Niết-bàn. Ta nay tu tập tịnh giới như vậy cũng sẽ được Niết-

bàn. Do nhân duyên này nên tâm an vui”.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Hỷ cùng với lạc có gì sai biệt?

–Này thiện nam! Khi Đại Bồ-tát chẳng làm ác thì gọi là mừng, tâm trì tịnh giới thì gọi là vui. Này thiện nam! Đại Bồ-tát quan sát sinh tử thì gọi là mừng, thấy Đại Niết-bàn thì gọi là vui. Dưới thì gọi là mừng, trên thì gọi là vui. Lìa khỏi pháp liên hệ thế gian thì gọi là mừng, được pháp bất cộng thì gọi là vui. Do giới thanh tịnh nên thân thể nhẹ nhàng mềm mại, miệng không thô ác, lỗi lầm. Bấy giờ, Bồ-tát hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc ngửi, hoặc thưởng thức, hoặc xúc chạm, hoặc biết v.v... đều không có các thứ khó chịu. Do không khó chịu nên tâm được yên ổn. Do tâm yên ổn nên được tịch định. Được tịch định nên được thấy biết chân thật. Do thấy biết chân thật nên chán lìa sinh tử. Do chán lìa sinh tử nên được giải thoát. Do được giải thoát nên thấy Phật tánh, thấy Phật tánh nên được Đại Niết-bàn. Đó gọi là trì giới thanh tịnh của Bồ-tát, chẳng phải là giới của thế gian. Vì sao? Này thiện nam! Vì sự thọ trì tịnh giới của Đại Bồ-tát có năm pháp trợ giúp. Những gì là năm? Một là tín, hai là tâm, ba là quý, bốn là thiện tri thức, năm là tôn kính giới. Bồ-tát lìa khỏi năm cái nên thấy thanh tịnh, lìa khỏi năm kiến nên tâm không lười nghi, lìa khỏi năm nghi: một là nghi Phật, hai là nghi Pháp, ba là nghi Tăng, bốn là nghi giới, năm là nghi chẳng phóng dật. Bấy giờ, Bồ-tát liền được năm căn là tín, niệm, tinh tấn, định, tuệ. Được năm căn nên được năm thứ Niết-bàn là sắc giải thoát cho đến thức giải thoát. Đó gọi là Bồ-tát trì giới thanh tịnh chẳng phải giới của thế gian. Này thiện nam! Đó gọi là sự chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu của thế gian mà là sự biết, thấy, hiểu của Bồ-tát.

Này thiện nam! Nếu đệ tử của Ta thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói kinh điển Đại Niết-bàn mà có người phá giới, sẽ có người quở trách, khinh chê, hủy nhục mà nói: “Nếu kinh điển Đại Niết-bàn bí tạng có uy lực thì sao khiến cho ông hủy phạm giới đã thọ? Nếu người thọ trì kinh điển Đại Niết-bàn này mà hủy phạm giới cấm thì phải biết kinh này không có uy lực. Nếu không có uy lực thì tuy lại

đọc tụng nhưng không có lợi ích”. Do sự khinh khi, hủy báng kinh Niết-bàn này nên khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh rơi vào địa ngục. Kẻ thọ trì kinh này mà hủy phạm giới thì tức là ác tri thức của chúng sinh, chẳng phải là đệ tử của Ta, mà là quyến thuộc của ma. Người như vậy, Ta cũng chẳng cho thọ trì kinh điển này. Thà khiến cho chẳng thọ, chẳng trì, chẳng tu chứ chẳng để cho người hủy phạm giới thọ trì tu tập. Đây thiện nam! Nếu đệ tử của Ta thọ trì, đọc tụng, ghi chép, diễn nói kinh Niết-bàn thì phải nghiêm chính thân tâm, thận trọng chớ có đùa giỡn, khinh suất, lay động. Về thân thì đùa giỡn, về tâm thì xem thường: Tâm cầu có thì gọi là xem thường, thân tạo các nghiệp thì gọi là đùa giỡn. Nếu đệ tử của Ta cầu có, tạo nghiệp thì chẳng nên thọ trì kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này. Nếu có người thọ trì kinh như vậy thì người ta sẽ khinh chê, quở trách thế này: “Nếu kinh Đại Niết-bàn là bí tạng của Phật có uy lực thì sao lại khiến cho ông cầu có, tạo nghiệp? Nếu người trì kinh mà cầu có, tạo nghiệp thì phải biết kinh này không uy lực. Nếu không uy lực thì tuy thọ trì nhưng không lợi ích”. Duyên vào sự khinh chê, hủy báng kinh Niết-bàn này nên lại khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh rơi vào địa ngục. Kẻ thọ trì kinh này mà cầu có, tạo nghiệp thì chính là ác tri thức của chúng sinh, chẳng phải là đệ tử của Ta, mà chính là quyến thuộc của ma. Lại nữa, đây thiện nam! Nếu đệ tử của Ta thọ trì, đọc tụng, ghi chép, diễn nói kinh Đại Niết-bàn thì chớ nói chẳng phải thời, chớ nói chẳng phải chỗ, chớ nói khi chẳng ai thỉnh, chớ nói với tâm coi thường, chớ nói khắp nơi nơi, chớ nói để tự khen, chớ nói để khinh người khác, chớ nói để diệt pháp Phật, chớ nói để làm hưng thịnh pháp thế gian. Đây thiện nam! Nếu đệ tử của Ta thọ trì kinh này, chẳng phải lúc mà nói cho đến làm hưng thịnh pháp thế gian mà nói thì người ta sẽ khinh khi, quở trách thế này: “Nếu kinh Đại Niết-bàn là tạng bí mật của Đức Phật có uy lực thì sao khiến cho ông chẳng phải lúc mà nói cho đến làm hưng thịnh pháp thế gian mà nói. Nếu người thọ trì kinh nói như vậy thì phải biết kinh này là không uy lực. Nếu kinh không uy lực thì tuy thọ trì nhưng không lợi ích”. Duyên vào sự khinh khi, hủy báng kinh Niết-bàn nên khiến cho vô lượng chúng sinh rơi vào địa ngục. Người

thọ trì kinh này chẳng phải lúc mà nói cho đến làm hưng thịnh pháp thế gian mà nói thì chính là ác tri thức của chúng sinh, chẳng phải là đệ tử của Ta, mà là quyến thuộc của ma. Này thiện nam! Nếu người thọ trì muốn nói Đại Niết-bàn, nói Phật tánh, nói tạng bí mật của Như Lai, nói Đại thừa, nói kinh Phương Đẳng, nói thừa Thanh văn, nói thừa Phật-bích-chi, nói giải thoát, thấy Phật tánh thì trước tiên phải thanh tịnh thân mình. Do thân thanh tịnh nên không bị quở trách. Do không bị quở trách nên khiến cho vô lượng người đối với Đại Niết-bàn phát sinh lòng tin thanh tịnh. Lòng tin đã sinh nên cung kính kinh này. Nếu nghe một bài kệ, một câu, một chữ ở người nói pháp mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải biết người nói pháp đó chính là thiện tri thức chân thật của chúng sinh, chẳng phải ác tri thức, chính là đệ tử của Ta, chẳng phải quyến thuộc của ma. Đó gọi là Bồ-tát, chẳng phải là thế gian. Này thiện nam! Đó gọi là sự chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu của thế gian mà chính là sự thấy, biết, hiểu của Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Sao lại gọi là sự chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu của tất cả thế gian chính là sự biết, thấy, hiểu của Bồ-tát? Đó là sáu niệm xứ. Những gì là sáu? Là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên. Này thiện nam! Sao gọi là niệm Phật? Là niệm Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn thường trụ chẳng biến dịch, đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, đại sư tử hống, gọi là đại Sa-môn, đại Bà-la-môn, đại thanh tịnh rốt ráo đến bờ kia, đấng Vô năng thắng, đấng Vô kiến đỉnh, không có sợ hãi, chẳng kinh, chẳng động, một mình không bạn bè, không thầy tự giác ngộ, thành tựu trí báu như trí nhanh chóng, trí lớn, trí sắc bén, trí thâm sâu, trí giải thoát, trí bất cộng, trí rộng lớn. Tượng vương trong loài người, Ngưu vương trong loài người, Long vương trong loài người, đấng Trượng phu trong loài người, hoa sen Phân-đà-lợi trong loài người, đấng Điều ngự nhân sư, bậc đại Thí chủ, đấng đại Pháp sư. Do biết pháp nên gọi là đại Pháp sư. Do biết nghĩa nên gọi là đại Pháp sư. Do biết thời nên gọi là đại Pháp sư. Do biết đủ nên gọi là đại Pháp sư. Do

biết ngã nên gọi là đại Pháp sư. Do biết đại chúng nên gọi là đại Pháp sư. Do biết đủ thứ tánh của chúng sinh nên gọi là đại Pháp sư. Do biết các căn lợi, độn, trung bình nên gọi là đại Pháp sư. Do nói trung đạo nên gọi là đại Pháp sư.

Sao gọi là Như Lai? Như lời nói của chư Phật quá khứ chẳng biến đổi? Sao gọi là chẳng biến đổi? Các Đức Phật ở quá khứ vì độ chúng sinh nên nói Mười hai bộ loại kinh điển, Như Lai cũng vậy nên gọi là Như Lai. Chư Phật Thế Tôn từ Sáu pháp Ba-la-mật, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Mười một không đi đến Đại Niết-bàn, Như Lai cũng vậy. Vậy nên hiệu Phật là Như Lai. Chư Phật Thế Tôn vì chúng sinh nên tùy nghi phương tiện khai thị Tam thừa, thọ mạng không lường, chẳng thể xưng kể, Như Lai cũng vậy. Vậy nên Phật hiệu là Như Lai.

Sao gọi là Ứng? Pháp thế gian đều gọi là oan gia. Phật đối trị lại nên gọi là Ứng. Bốn ma chính là oán địch của Bồ-tát. Các Đức Phật Như Lai khi làm Bồ-tát, có thể dùng trí tuệ phá hoại bốn ma. Vậy nên gọi là Ứng. Lại nữa, Ứng gọi là xa lìa. Khi làm Bồ-tát cần phải xa lìa vô lượng phiền não nên gọi là Ứng. Lại nữa, Ứng gọi là vui. Các Đức Phật quá khứ khi làm Bồ-tát tuy ở trong vô lượng vô số kiếp, vì chúng sinh nên chịu các khổ não nhưng luôn luôn an lạc. Như Lai cũng vậy, nên gọi là Ứng. Lại nữa, Ứng là, tất cả hàng trời, người nên dùng đủ thứ hương hoa, chuỗi ngọc, cờ phướn, kỹ nhạc mà cúng dường. Vậy nên gọi là Ứng.

Sao gọi là Chánh Biến Tri? Chánh là chẳng điên đảo, Biến Tri là đối với bốn điên đảo không gì chẳng thông đạt. Lại nữa, Chánh gọi là khổ hạnh, Biến Tri là biết nhân khổ hạnh quyết định có khổ quả. Lại nữa, Chánh là trong thế gian, Biến Tri là biết chắc chắn rốt cuộc tu tập trung đạo thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, Chánh gọi là có thể tính, có thể lường, có thể cân, Biến Tri là chẳng thể tính, chẳng thể lường, chẳng thể cân. Vậy nên hiệu Phật là Chánh Biến Tri. Nay thiện nam! Thanh văn, Duyên giác cũng có Biến Tri, cũng chẳng Biến Tri. Vì sao? Vì Biến Tri là gọi Năm ấm, Mười hai nhập, Mười tám giới. Thanh văn, Duyên giác cũng được Biến Tri. Đó gọi là Biến Tri. Sao gọi là chẳng Biến Tri?



Này thiện nam! Giả sử hàng Nhị thừa ở vô lượng kiếp, quan sát một sắc ấm mà chẳng thể biết hết. Do nghĩa này nên Thanh văn, Duyên giác không có Biến Tri.

Sao gọi là Minh Hạnh Túc? Minh là được vô lượng quả thiện. Hạnh là bàn chân. Quả thiện là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chân là giới, tuệ. Đi bằng chân giới, tuệ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên gọi là Minh Hạnh Túc. Lại nữa, Minh là chú, Hạnh là cát, Túc là quả. Này thiện nam! Đó là nghĩa của thế gian. Chú là giải thoát, Cát là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Quả là Đại Bát Niết Bàn. Vậy nên gọi là Minh Hạnh Túc. Lại nữa, Minh là ánh sáng, Hạnh là nghiệp, Túc là quả. Này thiện nam! Đó gọi là nghĩa của thế gian. Ánh sáng là chẳng phóng dật, nghiệp là sáu pháp Ba-la-mật, quả là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, Minh là ba minh, một là Bồ-tát minh, hai là chư Phật minh, ba là vô minh minh. Bồ-tát minh tức là Bát nhã Ba-la-mật. Chư Phật minh tức là Phật nhãn. Vô minh minh tức là rất ráo không. Hạnh là ở vô lượng kiếp, vì chúng sinh nên tu các nghiệp thiện. Túc là thấy rõ Phật tánh. Do nghĩa này nên gọi là Minh Hạnh Túc.

Sao gọi là Thiện Thệ? Thiện là cao, Thệ là chẳng cao. Này thiện nam! Đó gọi là nghĩa của thế gian. Cao là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chẳng cao tức là tâm Như Lai. Này thiện nam! Tâm nếu cao thì chẳng gọi là Như Lai. Vậy nên Như Lai gọi là Thiện Thệ. Lại nữa, Thiện là thiện tri thức, Thệ là quả của thiện tri thức. Này thiện nam! Đó là nghĩa của thế gian. Thiện tri thức tức là mới phát tâm. Quả là gọi Đại Bát Niết Bàn. Như Lai chẳng xả bỏ tâm mới phát lúc ban đầu, được Đại Niết-bàn. Vậy nên Như Lai gọi là Thiện Thệ. Lại nữa, Thiện là tốt đẹp, Thệ là có. Này thiện nam! Đó là nghĩa của thế gian. Tốt đẹp là thấy Phật tánh, có là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Tánh của Niết-bàn thật chẳng phải có. Chư Phật Thế Tôn nhân thế gian nên nói là có. Này thiện nam! Ví như người đời thật không có con mà nói có con, thật không có đạo mà nói có đạo, Niết-bàn cũng vậy, nhân thế gian nên nói là có. Chư Phật Thế Tôn thành Đại Niết-bàn nên gọi là Thiện Thệ.

Sao gọi là Thế Gian Giải? Này thiện nam! Thế Gian là năm

ấm, Giải là sự biết. Chư Phật Thế Tôn giỏi biết năm ấm nên gọi là Thế Gian Giải. Lại nữa, Thế Gian là năm dục, Giải là chẳng tham đắm, chẳng tham đắm năm dục nên gọi là Thế Gian Giải. Lại nữa, Thế Gian Giải là tất cả Thanh văn, Duyên giác đối với vô lượng vô số thế giới ở phương Đông chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu mà các Đức Phật đều biết, đều thấy, đều hiểu. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới cũng như vậy. Vậy nên hiệu Phật là Thế Gian Giải. Lại nữa, Thế Gian là tất cả phàm phu. Giải là biết nhân quả thiện ác của các phàm phu, đó chẳng phải là sự biết của Thanh văn, Duyên giác, mà chỉ có Phật mới có thể biết. Vậy nên hiệu Phật là Thế Gian Giải. Lại nữa, Thế Gian là hoa sen, Giải là chẳng bấn. Đây thiện nam! Đó là nghĩa của thế gian. Hoa sen tức là Như Lai. Chẳng bấn là Như Lai chẳng bị sự ô nhiễm của tám pháp thế gian. Vậy nên hiệu Phật là Thế Gian Giải. Lại nữa, Thế Gian Giải là chư Phật, Bồ-tát gọi là Thế Gian Giải. Vì sao? Vì chư Phật, Bồ-tát thấy rõ thế gian nên gọi là Thế Gian Giải. Đây thiện nam! Như nhờ ăn mà được sống nên gọi ăn là mạng. Chư Phật, Bồ-tát cũng như vậy, thấy rõ thế gian nên gọi là Thế Gian Giải.

Sao gọi là Vô Thượng Sĩ? Thượng Sĩ gọi là đoạn. Không có cái để đoạn gọi là Vô Thượng Sĩ. Chư Phật Thế Tôn không có phiền não nên không có cái để đoạn. Vậy nên hiệu Phật là Vô Thượng Sĩ. Lại nữa, Thượng Sĩ là tranh tụng. Vô Thượng Sĩ là không có tranh tụng, mà Như Lai không có tranh tụng. Vậy nên hiệu Phật là Vô Thượng Sĩ. Lại nữa, Thượng Sĩ là lời nói có thể hoại. Vô Thượng Sĩ là lời nói chẳng thể hoại, mà lời nói của Như Lai là lời nói mà tất cả chúng sinh không thể phá hoại. Vậy nên hiệu Phật là Vô Thượng Sĩ. Lại nữa, Thượng Sĩ là ngôi vị trên hết. Vô Thượng Sĩ là không có ngôi vị nào trên nữa, chư Phật ba đời lại không có ai vượt qua. Vậy nên hiệu Phật là Vô Thượng Sĩ. Thượng là mới, Sĩ là cũ. Thế chư Phật Thế Tôn là Đại Niết-bàn không mới, không cũ. Vậy nên hiệu Phật là Vô Thượng Sĩ.

Sao gọi là Điều Ngự Trượng Phu? Tự mình đã trượng phu, lại điều phục trượng phu. Đây thiện nam! Như Lai thật chẳng phải

trượng phu, chẳng phải chẳng trượng phu, nhân điều phục trượng phu nên gọi Như Lai là trượng phu. Đây thiện nam! Tất cả trai gái nếu đủ bốn pháp thì gọi là trượng phu. Những gì là bốn? Một là thiện tri thức, hai là có thể nghe pháp, ba là suy nghĩ về nghĩa, bốn là theo đúng lời nói tu hành. Đây thiện nam! Nếu nam hay nữ đủ bốn pháp này thì gọi là trượng phu. Đây thiện nam! Nếu có người nam nào không có bốn pháp này thì chẳng được gọi là trượng phu. Vì sao? Vì thân tuy là trượng phu nhưng hành động đồng với súc sinh. Như Lai điều phục người nam hoặc người nữ, nên hiệu Phật là Điều Ngự Trượng Phu. Lại nữa, đây thiện nam! Như người điều khiển ngựa có bốn cách: một là chạm lông, hai là chạm da, ba là chạm thịt, bốn là chạm xương. Tùy theo sự xúc chạm ấy mà ngựa theo ý người điều khiển. Như Lai cũng vậy, dùng bốn phương pháp điều phục chúng sinh: Một là nói về sinh liền khiến cho người nghe lãnh thọ lời Phật dạy, như chạm vào lông ngựa thì ngựa theo ý người điều khiển. Hai là nói về sinh, già liền khiến cho người nghe lãnh thọ lời Phật dạy, như chạm vào lông, da thì ngựa theo ý người điều khiển. Ba là nói về sinh, già và bệnh liền khiến cho người nghe lãnh thọ lời Phật dạy, như chạm vào lông, da, thịt thì ngựa theo ý người điều khiển. Bốn là nói về sinh, già, bệnh và chết liền khiến cho người nghe lãnh thọ lời Phật dạy, như chạm vào lông, da, thịt và xương thì ngựa theo ý người điều khiển. Đây thiện nam! Người điều khiển điều phục ngựa không có sự cố định, Như Lai Thế Tôn điều phục chúng sinh nhất định chẳng rộng không. Vậy nên hiệu Phật là Điều Ngự Trượng Phu.

Sao gọi là Thiên Nhân Sư? Sư có hai hạng, một là dạy điều thiện, hai là dạy điều ác. Chư Phật, Bồ-tát thường dùng pháp thiện dạy các chúng sinh. Những gì là pháp thiện? Đó là thiện về thân, miệng, ý. Chư Phật, Bồ-tát dạy các chúng sinh đều nói lời như vậy: “Đây thiện nam! Ông phải xa lìa nghiệp thân bất thiện. Vì sao? Vì nghiệp ác của thân có thể xa lìa là được giải thoát. Vậy nên ta dùng pháp này dạy ông. Nếu nghiệp ác này chẳng thể xa lìa mà được giải thoát thì nhất định ta chẳng dạy ông khiến cho xa lìa nó”. Nếu các chúng sinh xa lìa nghiệp ác rồi mà còn rơi vào ba đường ác thì đó là điều không có. Do xa lìa nên thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác, được Đại Niết-bàn. Vậy nên chư Phật, Bồ-tát thường dùng pháp này giáo hóa chúng sinh. Miệng, ý cũng vậy. Vậy nên hiệu Phật là Thiên Nhân Sư. Lại nữa, xưa chưa đắc đạo, nay đã đắc rồi, đem đạo sở đắc vì chúng sinh giảng nói. Từ xưa đến nay chưa tu phạm hạnh nay đã tu xong, đem điều đã tu vì chúng sinh giảng nói, tự phá vô minh, lại vì chúng sinh phá hoại vô minh, tự được mất thanh tịnh, lại vì chúng sinh phá trừ mù tối, khiến cho họ được mất thanh tịnh, tự biết Nhị đế, lại vì chúng sinh diễn nói Nhị đế; đã tự giải thoát, lại vì chúng sinh nói pháp giải thoát; tự qua khỏi vô biên dòng sông lớn sinh tử, lại khiến cho chúng sinh đều được qua khỏi hết; tự được sự không sợ hãi, lại dạy chúng sinh khiến cho họ không kinh sợ; đã tự Niết-bàn, lại vì chúng sinh diễn nói Đại Niết-bàn. Vậy nên hiệu Phật là Thiên Nhân Sư. Thiên là ngày. Trên trời ngày dài đêm ngắn. Vậy nên gọi là Thiên. Lại nữa, Thiên là không sâu nã, thường hưởng thụ an vui. Vậy nên gọi là Thiên. Lại nữa, Thiên là đèn sáng, có thể phá bóng tối mà làm nguồn ánh sáng lớn. Vậy nên gọi là Thiên. Cũng do có thể phá nghiệp ác đen tối, được các nghiệp thiện mà sinh lên trời. Vậy nên gọi là Thiên. Lại nữa, Thiên là tốt. Do tốt lành nên được gọi là Thiên. Lại nữa, Thiên là mặt trời, mặt trời có ánh sáng nên gọi là Thiên. Do những nghĩa đó nên gọi là Thiên. Nhân là có thể nhiều ân nghĩa. Lại nữa, Nhân là thân, miệng, ý dịu dàng. Lại nữa, Nhân là có kiêu mạn. Lại nữa, Nhân là có thể phá kiêu mạn. Này thiện nam! Chư Phật tuy làm đại sư vô thượng của tất cả chúng sinh, nhưng trong kinh nói làm Thiên Nhân Sư. Vì sao? Này thiện nam! Trong các chúng sinh chỉ có trời cùng người là có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có thể tu mười đạo nghiệp thiện, có thể được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Phật-bích-chi, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên hiệu Phật là Thiên Nhân Sư.

Sao gọi là Phật? Phật là giác, đã tự giác ngộ lại có thể giác ngộ người khác. Này thiện nam! Ví như có người hay biết có giặc thì giặc không thể làm gì. Đại Bồ-tát hiểu biết tất cả vô lượng phiền não, mà hiểu rõ rồi thì khiến cho các phiền não không thể làm điều gì được. Vậy nên gọi là Phật. Do sự giác ngộ đó nên chẳng sinh, chẳng già,

chẳng bệnh, chẳng chết. Vậy nên gọi là Phật. Bà-già-bà là, Bà-già là phá, Bà là phiền não. Có khả năng phá phiền não nên gọi là Bà-già-bà. Lại nữa, người có khả năng thành tựu các pháp thiện, lại có khả năng giải giải nghĩa các pháp, có đại công đức không ai có thể hơn, có danh tiếng lớn vang khắp mười phương. Lại là người có khả năng bố thí đủ thứ, lại ở vô lượng vô số kiếp đã vất bỏ thân nữ. Đây thiện nam! Nếu người nam hay người nữ mà có thể nghĩ đến Phật, niệm Phật như vậy thì hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc sáng, hoặc tối v.v... thường được thấy Phật Thế Tôn. Đây thiện nam! Vì sao gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cho đến Bà-già-bà mà có vô lượng công đức đại danh xưng như vậy? Đây thiện nam! Đại Bồ-tát ở vô lượng vô số kiếp xưa, cung kính cha mẹ, Hòa thượng, các thầy, các trưởng lão thượng tọa, ở vô lượng kiếp thường vì chúng sinh mà làm bố thí, kiên trì giới cấm, tu tập nhẫn nhục, siêng tu hành tinh tấn, thiền định, trí tuệ, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả. Vậy nên hôm nay được thân kim cương với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Lại nữa, Bồ-tát thuở xưa, ở vô lượng vô số kiếp đã tu tập năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ, đối với các sư trưởng cung kính cúng dường, thường vì pháp lợi, chẳng vì lợi dưỡng. Bồ-tát nếu thọ trì mười hai bộ loại kinh điển, hoặc đọc, hoặc tụng, là luôn vì chúng sinh muốn khiến cho họ giải thoát yên ổn, sung sướng, nhất định chẳng vì mình. Vì sao? Vì Bồ-tát thường tu tâm xuất thế gian và tâm xuất gia, tâm vô vi, tâm không tranh tụng, tâm không cấu uế, tâm không trói buộc, tâm không thủ trước, tâm không ngăn che, tâm không vô ký, tâm không sinh tử, tâm không lười nghỉ, tâm không tham dục, tâm không sân hận, tâm không ngu si, tâm không kiêu mạn, tâm không uế trước, tâm không phiền não, tâm không khổ, tâm vô lượng, tâm quảng đại, tâm hư không, tâm vô, tâm vô vô, tâm điều phục, tâm chẳng thủ hộ, tâm không che giấu, tâm không thế gian, tâm thường định, tâm thường tu, tâm thường giải thoát, tâm không báo trả, tâm vô nguyện, tâm thiện nguyện, tâm không làm lẫn, tâm dịu dàng, tâm chẳng trụ, tâm tự tại, tâm vô lậu, tâm đệ nhất nghĩa, tâm bất thoái, tâm vô thường, tâm chính trực, tâm không đua nịnh quanh co, tâm thuần

thiện, tâm không nhiều ít, tâm không ngang ngạnh, tâm không phàm phu, tâm không Thanh văn, tâm không Duyên giác, tâm bất thiện, tâm biết cỗi, tâm biết sinh cỗi nào, tâm biết ở cỗi nào, tâm ở cỗi tự tại. Vậy nên hôm nay Đại Bồ-tát được mười lực, bốn vô sở úy, đại bi, ba niệm xứ, thường, lạc, ngã, tịnh. Vậy nên Bồ-tát được xưng là Như Lai cho đến Bà-già-bà. Đó gọi là Đại Bồ-tát niệm Phật.

Sao gọi là Đại Bồ-tát niệm Pháp? Này thiện nam! Đại Bồ-tát suy nghĩ pháp tối diệu tối thượng mà chư Phật đã thuyết, nhờ pháp này nên có thể khiến cho chúng sinh được quả hiện tại. Chỉ chánh pháp này không có thời tiết là pháp mà mắt pháp thấy, chẳng phải mắt thịt thấy được, nhưng chẳng thể dùng ví dụ làm so sánh, chẳng sinh, chẳng xuất, chẳng trụ, chẳng diệt, chẳng thối, chẳng chung, vô vi, vô số, kẻ không nhà vì họ làm nhà, không chỗ về làm chỗ về, không sáng làm sáng, chưa đến bờ kia khiến cho đến bờ kia, vì chỗ không hương làm hương vô ngại, chẳng thể nhìn thấy làm cho nhìn thấy, chẳng động, chẳng chuyển, chẳng dài, chẳng ngắn, vĩnh viễn đoạn dứt các niềm vui mà vui yên ổn rất ráo, vi diệu, chẳng phải sắc, đoạn dứt sắc mà cũng là sắc cho đến chẳng phải thức, đoạn dứt thức mà cũng là thức; chẳng phải nghiệp, đoạn nghiệp mà cũng là nghiệp; chẳng phải kết, đoạn kết mà cũng là kết; chẳng phải vật, đoạn vật mà cũng là vật; chẳng phải cỗi, đoạn cỗi mà cũng là cỗi; chẳng phải hữu, đoạn hữu mà cũng là hữu; chẳng phải nhập, đoạn nhập mà cũng là nhập; chẳng phải nhân, đoạn nhân mà cũng là nhân; chẳng phải quả, đoạn quả mà cũng là quả; chẳng phải hư, chẳng phải thật, đoạn tất cả thật mà cũng là thật; chẳng phải sinh, chẳng phải diệt, vĩnh viễn đoạn sinh diệt mà cũng là diệt; chẳng phải tướng, chẳng phải phi tướng, đoạn tất cả tướng mà cũng là tướng; chẳng phải dạy, chẳng phải chẳng dạy mà cũng là thầy dạy; chẳng phải sợ, chẳng phải an, đoạn tất cả sợ mà cũng là an; chẳng phải nhẫn, chẳng phải chẳng nhẫn, vĩnh viễn đoạn chẳng nhẫn mà cũng là nhẫn; chẳng phải dừng, chẳng phải chẳng dừng, đoạn tất cả dừng mà cũng là dừng; tất cả pháp đỉnh đều có thể vĩnh viễn đoạn tất cả phiền não, vô tướng thanh tịnh, vĩnh viễn thoát khỏi các tướng, chỗ trụ rất ráo của vô lượng chúng sinh, có thể diệt tất cả lửa sinh tử

bừng cháy, chính là chỗ du cư của chư Phật thường trụ chẳng biến đổi. Đó gọi là Bồ-tát niệm Pháp.

Sao gọi là niệm Tăng? Thánh Tăng của chư Phật theo đúng như pháp mà trụ, thọ pháp chính trực, thuận theo tu hành, chẳng thể nhìn thấy, chẳng thể nắm bắt, chẳng thể phá hoại, không thể nhiều hại, chẳng thể nghĩ bàn, ruộng phước, thần hiển của tất cả chúng sinh, tuy là ruộng phước nhưng không thọ nhận gì, thanh tịnh, không bẩn, vô lậu, vô vi, rộng khắp vô biên. Lòng Thánh tăng điều hòa, dịu dàng, bình đẳng không hai, không có nhiều hại, ô trược, thường chẳng biến đổi. Đó gọi là niệm Tăng.

Sao gọi là niệm Giới? Bồ-tát suy nghĩ: “Có giới chẳng phá, chẳng lậu, chẳng hoại, chẳng tạp, tuy không hình sắc mà có thể hộ trì, tuy không xúc chạm nhưng khéo tu phương tiện để được đầy đủ, không có lỗi lầm, sự khen ngợi của chư Phật, Bồ-tát chính là nhân của Đại Phương Đẳng Đại Niết Bàn. Này thiện nam! Ví như đất đai, thuyền bè, chuỗi ngọc, biển cả, nước tro, nhà cửa, đao kiếm, cầu kiều, lương y, diệu dược, a-dà-đà dược, ngọc báu như ý, chân cẳng, mắt, cha mẹ, bóng mát v.v... không thể trộm cướp, chẳng thể nhiều hại, lửa chẳng thể đốt cháy, nước chẳng thể làm trôi, là bậc thang lên núi cao, cờ đẹp bằng diệu bảo của chư Phật, Bồ-tát. Nếu trụ ở giới này thì được quả Tu-đà-hoàn, ta cũng có phần nhưng ta chẳng mong cầu. Vì sao? Vì nếu ta được quả Tu-đà-hoàn này thì chẳng thể độ tất cả chúng sinh. Nếu trụ ở giới này thì chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta cũng có phần, là điều ưa thích của ta. Vì sao? Vì nếu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì ta sẽ vì chúng sinh nói diệu pháp mà tạo tác sự cứu hộ. Đó gọi là Đại Bồ-tát niệm Giới.

Sao gọi là niệm Thí? Đại Bồ-tát quan sát sâu xa việc bố thí này mới là cái nhân của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chư Phật, Bồ-tát thân cận, tu tập bố thí như vậy thì ta cũng thân cận, tu tập như vậy. Nếu chẳng bố thí thì chẳng thể trang nghiêm bốn bộ chúng. Bố thí tuy chẳng thể đoạn trừ rốt ráo kiết sử nhưng có thể phá trừ phiền não hiện tại. Do nhân duyên bố thí nên thường được sự khen ngợi của chúng sinh ở vô lượng vô biên thế giới nhiều như cát sông Hằng

trong mười phương. Đại Bồ-tát bố thí cho chúng sinh ăn tức là bố thí mạng sống cho họ. Do quả báo này nên khi thành Phật thường trụ chẳng biến đổi. Do sự bố thí an vui nên khi Bồ-tát thành Phật được an lạc. Khi Bồ-tát bố thí đúng như pháp cầu tài thì chẳng xâm phạm của người kia mà cho người này. Vậy nên khi thành Phật được Niết-bàn thanh tịnh. Khi Bồ-tát bố thí khiến cho chúng sinh chẳng cầu mà được, nên khi thành Phật được tự tại. Do nhân duyên bố thí khiến cho người khác được sức lực, nên khi thành Phật đạt được Mười lực. Do nhân duyên bố thí khiến cho người khác nói được, nên khi thành Phật được bốn vô ngại. Chư Phật, Bồ-tát tu tập sự bố thí này làm nhân Niết-bàn, ta cũng tu tập bố thí như vậy để làm nhân Niết-bàn. Rộng nói như trong kinh Tạp Hoa.

Sao gọi là niệm Thiên? Có cõi Tứ thiên vương cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng. Nếu có lòng tin thì được cõi Tứ thiên vương, ta cũng có phần. Nếu giữ giới, đa văn, bố thí, trí tuệ thì được cõi Tứ thiên vương cho đến được cõi Phi tưởng phi phi tưởng, ta cũng có phần. Nhưng chẳng phải là điều ưa muốn của ta. Vì sao? Vì cõi Tứ thiên vương cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng đều là vô thường. Do vô thường nên sinh, già, bệnh, chết. Do nghĩa này nên chẳng phải là điều ưa muốn của ta. Ví như sự huyền hóa đối gạt được người ngu, người trí tuệ thì chẳng mê hoặc họ được. Như huyền hóa tức là cõi Tứ thiên vương cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng. Người ngu tức là tất cả phàm phu. Ta thì chẳng đồng với phàm phu ngu si. Ta từng nghe có đệ nhất nghĩa thiên là chỉ cho chư Phật, Bồ-tát thường trụ chẳng biến đổi. Do thường trụ nên chẳng sinh, chẳng già, chẳng bệnh, chẳng chết. Ta vì chúng sinh tinh cần cầu đệ nhất nghĩa thiên. Vì sao? Vì đệ nhất nghĩa thiên có thể khiến cho chúng sinh đoạn trừ phiền não giống như cây Như ý. Nếu ta có tín cho đến có tuệ thì có thể được đệ nhất nghĩa thiên này. Ta sẽ vì chúng sinh rộng phân biệt, giảng nói đệ nhất nghĩa thiên. Đó gọi là Đại Bồ-tát niệm Thiên.

Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát chẳng phải thế gian. Đó là thế gian chẳng biết, thấy, hiểu mà là sự biết, thấy, hiểu của Bồ-tát. Này thiện nam! Nếu đệ tử của ta cho là thọ trì, đọc tụng, ghi chép, diễn



nói Mười hai bộ loại kinh điển và việc thọ trì, đọc tụng, ghi chép, phô diễn, giảng nói kinh Đại Niết-bàn là ngang bằng, không sai biệt thì nghĩa này chẳng vậy. Vì sao? Đây thiện nam! Vì kinh Đại Niết-bàn tức là tạng bí mật sâu xa vi diệu của chư Phật Thế Tôn, cho nên tạng bí mật sâu xa vi diệu của chư Phật là hơn hết. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên kinh Đại Niết-bàn rất kỳ lạ, rất đặc biệt, chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con cũng biết kinh Đại Niết-bàn này rất kỳ lạ, rất đặc biệt, chẳng thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Tăng chẳng thể nghĩ bàn. Bồ-tát, Bồ-đề, kinh Đại Niết-bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn. Thưa Thế Tôn! Do nghĩa gì mà lại nói, Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn?

–Đây thiện nam! Đại Bồ-tát không có người dạy mà có thể tự phát tâm Bồ-đề. Đã phát tâm rồi thì Bồ-tát siêng tu tinh tấn. Giả sử lửa lớn thiêu đốt thân, đầu, Bồ-tát nhất định chẳng cầu cứu, hay xả bỏ tâm niệm Pháp. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát thường tự suy nghĩ: Ta ở trong vô lượng vô số kiếp, hoặc ở tại địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trong loài người, trên cõi trời bị sự thiêu đốt của ngọn lửa các kiết sử, nhưng chưa từng được một pháp quyết định. Pháp quyết định tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ta vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nhất định chẳng giữ gìn tiếc nuối thân, tâm cùng mạng sống. Ta vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà giả sử thân nát vụn giống như vi trần nhất định chẳng buông bỏ siêng năng tinh tấn. Vì sao? Vì lòng siêng tinh tấn tức là cái nhân của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây thiện nam! Như vậy Bồ-tát chưa thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà có thể chẳng tiếc mạng thân như vậy, huống lại là đã thấy rồi. Vậy nên Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát thấy vô lượng tội ác của sinh tử, chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác sánh kịp. Tuy Bồ-tát biết vô lượng lỗi ác của sinh tử nhưng vì chúng sinh nên ở trong đó chịu khổ chẳng sinh chán nản xa lìa. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát vì chúng sinh nên tuy ở tại địa ngục chịu các khổ não nhưng giống như niềm vui Tam thiên. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đây thiện nam! Ví như nhà ông trưởng giả bị

hỏa hoạn. Ông trưởng giả thấy rồi chạy ra khỏi nhà, các con ông ở sau chưa thoát được nạn lửa. Bấy giờ, ông trưởng giả nhất định biết sự tai hại của lửa, nhưng vì các con nên quay trở lại xông vào cứu giúp, chẳng đoái hoài gì đến hiểm nạn ấy. Đại Bồ-tát cũng như vậy, tuy biết sinh tử có nhiều lỗi ác nhưng vì chúng sinh nên ở lại đó chẳng chán. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đây thiện nam! Vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề, thấy trong sinh tử có nhiều tội lỗi, lòng liền thoái mất nên hoặc làm Thanh văn, hoặc làm Duyên giác. Nếu có Bồ-tát nghe kinh này thì nhất định chẳng thoái mất tâm Bồ-đề mà làm Thanh văn, Phật-bích-chi. Như vậy Bồ-tát tuy chưa vào bậc sơ địa Bất động mà tâm kiên cố không có thoái mất. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đây thiện nam! Nếu có người nói, ta có thể bơi qua biển cả. Lời nói như vậy có thể nghĩ bàn chăng?

–Bạch Thế Tôn! Lời nói như vậy, hoặc có thể nghĩ bàn, hoặc chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì nếu người qua được thì chẳng thể nghĩ bàn. A-tu-la qua được thì có thể nghĩ bàn.

–Đây thiện nam! Ta cũng chẳng nói A-tu-la mà chính là nói người vậy.

–Bạch Thế Tôn! Trong loài người cũng có người có thể nghĩ bàn, có người chẳng thể nghĩ bàn. Thưa Thế Tôn! Người cũng có hai hạng, một là Thánh nhân, hai là phàm phu. Người phàm phu thì chẳng thể nghĩ bàn. Người Thánh nhân thì có thể nghĩ bàn.

–Đây thiện nam! Ta nói phàm phu, chẳng nói Thánh nhân.

–Thưa Thế Tôn! Nếu là phàm phu thì quả thật chẳng thể nghĩ bàn.

–Đây thiện nam! Người phàm phu thật chẳng thể qua được nước biển cả. Như vậy Bồ-tát thật có thể qua khỏi biển cả sinh tử. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đây thiện nam! Nếu có người có thể dùng tơ của ngó sen để treo núi Tu-di lên thì có thể nghĩ bàn chăng?

–Bạch Thế Tôn! Chẳng thể nghĩ bàn.

–Đây thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong khoảng một niệm có thể tính kể hết tất cả sinh tử. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đây

thiện nam! Đại Bồ-tát đã ở vô lượng vô số kiếp thường quan sát sinh tử, vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh nhưng vì chúng sinh mà phân biệt diễn nói thường, lạc, ngã, tịnh, tuy nói như vậy nhưng chẳng phải là tà kiến. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đây thiện nam! Như người vào trong nước mà nước chẳng thể nhận chìm, vào trong lửa cháy mà lửa chẳng thể thiêu đốt. Việc như vậy chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát cũng như vậy, tuy ở trong sinh tử nhưng chẳng bị sự náo hại của sinh tử. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đây thiện nam! Con người có ba hạng là thượng, trung, hạ. Người hạ phẩm khi mới vào thai thì khởi ý nghĩ: “Ta nay ở nơi nhà xí, chỗ mọi dơ bẩn tụ về, vùng bỏ tử thi, trong chỗ nhiều gai nhọn, chỗ rất đen tối”. Khi ra khỏi thai thì họ lại nghĩ rằng: “Ta nay ra khỏi nhà xí, ra khỏi chỗ mọi dơ bẩn cho đến ra khỏi chỗ rất đen tối”. Người trung phẩm khi vào thai thì nghĩ rằng: “Ta nay vào trong rừng cây, trong dòng sông trong sạch, phòng ốc nhà cửa”. Khi ra cũng vậy. Người thượng phẩm khi vào thai thì nghĩ rằng: “Ta thăng lên điện đường, ở tại vùng rừng hoa, cõi ngựa, cõi voi đi lên núi cao”. Khi ra cũng vậy. Đại Bồ-tát khi mới vào thai tự biết vào, khi trụ biết trụ, khi ra biết ra nhất định chẳng sinh ra lòng tham, sân nhưng chưa được bậc trụ địa đầu tiên. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đây thiện nam! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác quả thật chẳng thể dùng thí dụ để so sánh. Đây thiện nam! Tâm cũng chẳng thể dùng phương tiện thí dụ để so sánh mà đều có thể nói. Đại Bồ-tát không có thầy để thưa hỏi, thọ học mà có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Được pháp này rồi lòng không keo kiệt, Bồ-tát thường vì chúng sinh mà diễn nói. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát có viện thân xa lìa chẳng phải là miệng, có việc miệng xa lìa chẳng phải là thân, có việc chẳng phải thân miệng mà cũng xa lìa. Việc thân xa lìa là xa lìa sát sinh, trộm cắp, dâm dục. Đó gọi là thân xa lìa chẳng phải là miệng. Việc miệng xa lìa là xa lìa nói dối, hai lưỡi, nói ác, nói vô nghĩa. Đó gọi là miệng xa lìa chẳng phải là thân. Việc chẳng phải thân chẳng phải miệng xa lìa là sự xa lìa tham dục, sân hận, tà kiến. Đây thiện nam! Đó gọi là việc chẳng phải thân, chẳng phải miệng mà cũng là xa lìa. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát

chẳng thấy một pháp nào là thân, là nghiệp và cùng chủ xa lìa mà cũng có xa lìa. Vậy nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Miệng cũng như vậy. Nay thiện nam! Từ thân xa lìa thân, từ miệng xa lìa miệng, từ tuệ xa lìa chẳng phải thân, chẳng phải miệng. Nay thiện nam! Thật có tuệ này nhưng chẳng thể khiến cho Bồ-tát xa lìa. Vì sao? Nay thiện nam! Không có một pháp có thể hủy hoại, có thể tạo tác. Pháp tánh hữu vi sinh khác, diệt khác. Vậy nên tuệ này chẳng thể xa lìa. Nay thiện nam! Tuệ này chẳng thể phá, lửa chẳng thể đốt, nước chẳng thể làm thối rửa, gió chẳng thể lay động, đất chẳng thể trì giữ, sinh chẳng thể sinh, già chẳng thể già, trụ chẳng thể trụ, hoại chẳng thể hoại, tham chẳng thể tham, sân chẳng thể sân, si chẳng thể si. Do tánh hữu vi sinh khác, diệt khác nên Đại Bồ-tát nhất định chẳng phát sinh ý niệm: “Ta dùng tuệ này phá các phiền não”. Mà tự nói: “Ta phá phiền não”. Bồ-tát tuy nói lời này nhưng chẳng phải là hư dối. Vậy nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nay mới biết Đại Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Tăng, kinh Đại Niết-bàn và người thọ trì, Bồ-đề Niết-bàn chẳng thể nghĩ bàn. Thưa Thế Tôn! Pháp Phật vô thượng sẽ trụ thế thời gian bao lâu mới diệt?

–Nay thiện nam! Như kinh Đại Niết-bàn cho đến có năm hạnh này là hạnh Thánh, hạnh phạm, hạnh thiên, hạnh bệnh, hạnh anh nhi mà nếu đệ tử của Ta có thể thọ trì, đọc tụng, ghi chép, diễn nói nghĩa của những điều ấy và được sự cung kính, tôn trọng, khen ngợi cúng dường đủ thứ của các chúng sinh thì ông nên biết bấy giờ pháp Phật chưa diệt. Nay thiện nam! Nếu kinh Đại Niết-bàn lưu hành đầy đủ, đang lúc ấy mà các đệ tử của Ta phạm giới cấm nhiều, tạo tác mọi điều ác, chẳng thể kính tín kinh điển như vậy, do chẳng tin nên chẳng thể thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói nghĩa ấy, chẳng được sự cung kính cho đến cúng dường của mọi người, thấy người thọ trì thì khinh chê, bài bác rằng: “Ông chính là hạng lục sư, chẳng phải đệ tử của Phật”, thì phải biết là pháp Phật sắp diệt, chẳng còn bao lâu.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con gần gũi theo Phật, nghe được nghĩa như vậy: “Pháp của Đức Phật Ca-diếp trụ thế bảy ngày sau đó diệt tận”. Thưa Thế Tôn! Đức Như Lai Ca-diếp có kinh này chăng? Như có kinh ấy thì sao nói rằng diệt? Còn như kinh ấy không có thì sao nói rằng kinh Đại Niết-bàn là tạng bí mật của các Đức Như Lai?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta nói ở trước rằng, chỉ có Văn-thù-sư-lợi mới giải được nghĩa này. Hôm nay Ta sẽ nói một lần nữa, ông hãy chí tâm lắng nghe. Này thiện nam! Chư Phật Thế Tôn có hai thứ pháp, một là pháp thế gian, hai là pháp đệ nhất nghĩa. Pháp thế gian có thể diệt, pháp đệ nhất nghĩa thì chẳng hoại diệt. Lại có hai thứ, một là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh; hai là thường, lạc, ngã, tịnh. Vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh thì có hoại diệt. Thường, lạc, ngã, tịnh thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là sự trì giữ của Nhị thừa, hai là sự trì giữ của Bồ-tát. Sự trì giữ của Nhị thừa thì có hoại diệt, sự trì giữ của Bồ-tát thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là ngoại, hai là nội. Pháp ngoại thì có hoại diệt, pháp nội thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là hữu vi, hai là vô vi. Pháp hữu vi thì có hoại diệt, pháp vô vi thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là có thể nắm bắt được, hai là chẳng thể nắm bắt được. Pháp có thể nắm bắt được thì có hoại diệt, pháp chẳng thể nắm bắt được thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là pháp cộng, hai là pháp bất cộng. Pháp cộng thì có hoại diệt, pháp bất cộng thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là trong người, hai là trong trời. Pháp trong người thì có hoại diệt, pháp trong trời thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là Mười một bộ loại kinh điển, hai là kinh Phương Đẳng. Mười một bộ loại kinh điển thì có hoại diệt, kinh Phương Đẳng thì không hoại diệt. Này thiện nam! Nếu đệ tử của Ta thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói kinh điển Phương Đẳng, cung kính, tôn trọng, khen ngợi thì phải biết bấy giờ pháp Phật chẳng diệt. Này thiện nam! Vừa rồi ông hỏi Đức Như Lai Ca-diếp có kinh này chăng? Này thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn đều là tạng bí mật của tất cả chư Phật. Vì sao? Vì các Đức Phật tuy có mười một bộ loại kinh điển nhưng chẳng nói Phật

tánh, chẳng nói Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh. Chư Phật Thế Tôn vĩnh viễn chẳng rớt ráo vào Niết-bàn. Vậy nên kinh này gọi là tạng bí mật của Như Lai, điều mà chẳng nói ở Mười một bộ loại kinh điển. Vậy nên gọi là tạng. Như người có bẫy bấu, chẳng đem ra ngoài để dùng nên gọi đó là tạng. Đây thiện nam! Người đó sở dĩ tàng chứa vật này là vì việc chưa đến. Những gì là việc chưa đến? Đó là lúa gạo khan hiếm, giặc đến xâm lấn đất nước, gặp phải vua ác dùng tiền chuộc mạng, nạn nguy cấp trên đường đi, của cải khó được thì mới phải xuất ra để dùng. Đây thiện nam! Tạng bí mật của chư Phật Như Lai cũng như vậy, vì những Tỳ-kheo ác ở đời vị lai cất chứa những vật bất tịnh, vì bốn chúng nói Như Lai rớt ráo vào Niết-bàn, đọc tụng thế điển, chẳng kính Phật kinh v.v khi những việc ác như vậy hiện ở đời thì Đức Như Lai vì muốn diệt những việc ác đó, khiến cho họ được xa lìa tà mạng, lợi dưỡng thì Như Lai vì họ diễn nói kinh này. Nếu kinh điển này, tạng bí mật của Như Lai biến mất thì phải biết là bấy giờ pháp Phật diệt. Đây thiện nam! Kinh điển Đại Niết-bàn thường trụ chẳng biến đổi thì sao lại hỏi, thời Đức Phật Ca-diếp có kinh này không? Đây thiện nam! Chúng sinh thời Đức Phật Ca-diếp tham dục rất ít, trí tuệ nhiều, các Đại Bồ-tát điều hòa, mềm mỏng dễ giáo hóa, có uy đức lớn, tổng trì chẳng quên như đại tượng vương, thế giới Phật thì thanh tịnh. Tất cả chúng sinh của thế giới đó đều biết Như Lai chẳng bao giờ rớt ráo vào Niết-bàn, mà thường trụ, bất biến, nên tuy có kinh điển này nhưng chẳng cần diễn nói. Đây thiện nam! Đời này, chúng sinh nhiều những phiền não, ngu si, hay quên, không có trí tuệ, nhiều những lưới nghi hoặc, tin căn chẳng thành lập, thế giới bất tịnh, tất cả chúng sinh đều cho là Như Lai vô thường, biến thiên, rớt ráo vào Đại Bát Niết Bàn. Vậy nên Như Lai diễn nói kinh điển này. Đây thiện nam! Pháp của các Đức Phật Ca-diếp thật cũng chẳng diệt. Vì sao? Vì thường trụ, bất biến. Đây thiện nam! Nếu có chúng sinh mà ngã thấy vô ngã, vô ngã thấy ngã; thường thấy vô thường, vô thường thấy thường; lạc thấy vô lạc, vô lạc thấy lạc; tịnh thấy bất tịnh, bất tịnh thấy tịnh; diệt thấy bất diệt, bất diệt thấy diệt; tội thấy chẳng phải tội; chẳng phải tội thấy tội; tội nhẹ thấy nặng, tội nặng thấy nhẹ; thừa thấy chẳng phải thừa,

chẳng phải thừa thấy thừa; đạo thấy chẳng phải đạo, chẳng phải đạo thấy đạo; thật là Bồ-đề thấy chẳng phải Bồ-đề, thật chẳng phải Bồ-đề thấy là Bồ-đề; khổ thấy chẳng phải khổ, tập thấy chẳng phải tập, diệt thấy chẳng phải diệt, thật thấy chẳng phải thật; thật là thế đế thấy đệ nhất nghĩa đế, đệ nhất nghĩa đế thấy là thế đế; quay về thấy chẳng phải quay về, chẳng phải quay về thấy quay về; cho lời Phật chân thật là lời nói của ma, thật là lời nói của ma cho là lời nói của Phật thì khi ấy chư Phật mới nói kinh điển Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Thà nói muỗi hút cạn biển cả chứ chẳng thể nói pháp Như Lai diệt. Thà nói miệng thổi hoại tận núi Tu-di, chứ chẳng thể nói pháp Như Lai diệt. Thà nói dùng sợi tơ trời được gió mạnh, chứ chẳng thể nói pháp Như Lai diệt. Thà nói trong lửa Khư-đà-la mọc ra hoa sen, chứ chẳng thể nói pháp Như Lai diệt. Thà nói thuốc A-dà-đà là độc dược chứ chẳng thể nói pháp Như Lai diệt. Thà nói mặt trăng có thể làm cho nóng, mặt trời có thể làm cho lạnh, chứ chẳng thể nói pháp Như Lai diệt. Thà nói bốn đại đều bỏ tánh của mình, chứ chẳng thể nói pháp Như Lai diệt. Này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, chưa có đệ tử hiểu rõ nghĩa thâm diệu mà Đức Phật Thế Tôn đó liền nhập Niết-bàn thì phải biết là pháp đó chẳng trụ thế lâu dài. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, có các đệ tử hiểu rõ nghĩa thâm diệu thì tuy Phật Niết-bàn, nhưng phải biết là pháp đó trụ thế lâu dài. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, tuy có đệ tử hiểu được nghĩa thâm diệu, nhưng không có đàn-việt bạch y dốc lòng tin kính trọng pháp Phật mà Phật liền Niết-bàn thì phải biết là pháp đó chẳng trụ thế lâu dài. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, có các đệ tử hiểu được nghĩa thâm diệu, có nhiều đàn-việt bạch y dốc lòng tin, kính trọng pháp Phật thì tuy Phật Niết-bàn, nhưng phải biết là pháp Phật trụ ở đời lâu dài. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, có các đệ tử hiểu được nghĩa thâm diệu, tuy có đàn-việt bạch y dốc lòng tin, kính trọng pháp Phật, nhưng mà các đệ tử diễn

nói kinh pháp vì tham lợi dưỡng, chẳng vì Niết-bàn, Phật lại diệt độ thì phải biết là pháp đó chẳng trụ thế lâu dài. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, có các đệ tử hiểu được nghĩa thâm diệu, lại có đàn-việt bạch y dốc lòng tin, kính trọng pháp Phật, các đệ tử của Đức Phật đó, phàm diễn nói kinh pháp, chẳng tham lợi dưỡng vì cầu Niết-bàn thì tuy Đức Phật diệt độ nhưng phải biết là pháp đó trụ ở đời lâu dài.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, tuy có đệ tử hiểu được nghĩa thâm diệu, lại có đàn-việt bạch y dốc lòng tin, kính trọng pháp Phật, mà các đệ tử dấy lên nhiều tranh cãi phải trái lẫn nhau, Phật lại Niết-bàn thì phải biết là pháp đó chẳng trụ thế lâu dài. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, có các đệ tử hiểu được nghĩa thâm diệu, lại có đàn-việt bạch y dốc lòng tin, kính trọng pháp Phật, các đệ tử của Đức Phật đó tu pháp hòa kính, chẳng tranh phải trái, tôn trọng lẫn nhau thì Phật tuy Niết-bàn nhưng phải biết pháp đó trụ lâu chẳng diệt. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, tuy có đệ tử hiểu được nghĩa thâm diệu, lại có đàn-việt bạch y dốc lòng tin, kính trọng pháp Phật, các đệ tử của Đức Phật ấy vì Đại Niết-bàn mà diễn nói pháp, cung kính lẫn nhau, chẳng khởi lên tranh cãi, nhưng cất chứa tất cả vật bất tịnh, lại tự khen rằng, ta được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, mà Đức Phật lại Niết-bàn thì phải biết pháp đó trụ thế chẳng lâu dài. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, có các đệ tử hiểu được nghĩa thâm diệu, lại có đàn-việt bạch y dốc lòng tin, kính trọng pháp Phật, các đệ tử của Đức Phật đó vì Đại Niết-bàn diễn nói kinh pháp, khéo tu hòa kính, tôn trọng lẫn nhau, chẳng cất chứa tất cả vật bất tịnh, cũng chẳng nói rằng được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, Đức Phật Thế Tôn đó tuy lại diệt độ, nhưng phải biết là pháp đó trụ ở đời lâu dài. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, có các đệ tử cho đến chẳng cất chứa vật bất tịnh, lại chẳng tự nói rằng được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-



hán, nhưng đều chấp sở kiến, đủ thứ dị thuyết-mà nói lên rằng: “Thưa trưởng lão! Phật đã chế ra bốn trọng pháp cho đến bảy pháp diệt tránh là vì chúng sinh nên hoặc ngăn hoặc mở, mười hai bộ loại kinh điển cũng như vậy. Vì sao? Vì Phật biết đất nước, thời tiết đều khác, chúng sinh chẳng đồng, độn căn, lợi căn sai biệt. Vậy nên Như Lai hoặc ngăn, hoặc mở, có khinh, có trọng mà nói. Này thiện nam! Ví như vị lương y vì bệnh cho uống sữa, vì bệnh ngăn uống sữa, bệnh nóng thì cho uống, bệnh lạnh thì ngăn. Như Lai cũng vậy, quan sát bệnh căn phiền não của chúng sinh nên cũng mở, cũng ngăn. Thưa trưởng lão! Tôi thân cận theo Đức Phật nghe nghĩa như vậy. Chỉ có tôi biết nghĩa, còn ông thì chẳng thể biết. Chỉ có tôi giải được luật, còn ông thì chẳng thể giải. Tôi biết các kinh, còn ông thì chẳng thể biết”, và Đức Phật đó lại diệt độ thì phải biết pháp đó chẳng trụ thế lâu dài. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, có các đệ tử cho đến chẳng nói ta được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, cũng chẳng nói: “Chư Phật Thế Tôn vì chúng sinh nên hoặc ngăn, hoặc mở. Thưa trưởng lão! Tôi thân cận theo Đức Phật nghe nghĩa như vậy, pháp như vậy, luật như vậy. Thưa trưởng lão! Phải nương vào Mười hai bộ loại kinh điển của Như Lai; nghĩa này như vậy thì tôi thọ trì, như chẳng phải nghĩa ấy thì tôi sẽ xả bỏ”, thì tuy Đức Phật Thế Tôn đó lại Niết-bàn, nhưng phải biết là pháp đó trụ ở đời lâu dài. Này thiện nam! Khi pháp của Ta diệt, có hàng đệ tử Thanh văn, hoặc nói có thần, hoặc nói thần rỗng không, hoặc nói có ấm bên trong, hoặc nói không ấm bên trong, hoặc nói có ba đời, hoặc nói không ba đời, hoặc nói có ba thừa, hoặc nói không ba thừa, hoặc nói tất cả hữu, hoặc nói tất cả không, hoặc nói chúng sinh có thể có chung, hoặc nói chúng sinh vô thể vô chung, hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp hữu vi, hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp vô vi, hoặc nói Như Lai có bệnh khổ hạnh, hoặc nói Như Lai chẳng cho Tỳ-kheo ăn mười thứ thịt. Những gì là mười? Đó là thịt người, rắn, voi, ngựa, lừa, chó, sư tử, heo, chồn, khỉ đột. Những thứ còn lại ấy đều cho ăn. Hoặc nói tất cả chẳng cho ăn. Hoặc nói Tỳ-kheo chẳng làm năm việc. Những gì là năm? Là chẳng bán nô lệ, dao, rượu, cát sông, dầu mè, ngoài ra

đều cho làm. Hoặc nói chẳng cho vào năm thứ nhà. Những gì là năm? Đó là nhà giết mổ, nhà dâm nữ, nhà bán rượu, cung vua, nhà Chiên-đà-la, còn những nhà khác cho vào. Hoặc nói chẳng cho mặc áo Kiều-xa-gia, còn lại tất cả đều cho. Hoặc nói Như Lai cho các Tỳ-kheo nhận cất chứa áo quần, thức ăn, ngọa cụ mà giá trị những đồ ấy đến hàng mười vạn lượng vàng, hoặc nói chẳng cho. Hoặc nói Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh. Hoặc nói Niết-bàn chính là kiết sử hết, lại không có thứ pháp riêng biệt nào gọi là Niết-bàn. Ví như dệt sợi tơ gọi đó là áo mà áo đã hoại rồi thì gọi là không có áo. Thật ra không có pháp riêng biệt nào gọi là không có áo. Thể của Niết-bàn cũng như vậy. Nay thiện nam! Lúc ấy, đệ tử của Ta, người nói chân chính thì ít, kẻ nói tà bậy thì nhiều, người thọ chánh pháp thì ít, kẻ thọ tà pháp thì nhiều, người thọ lời Phật thì ít, kẻ thọ lời ma thì nhiều. Nay thiện nam! Bấy giờ, nước Câu-diêm-di có hai đệ tử, một là A-la-hán, hai là phá giới. Đồ chúng của người phá giới có đến năm trăm người, đồ chúng của vị A-la-hán có một trăm người. Người phá giới nói: “Đức Như Lai rất ráo vào Niết-bàn, ta gặng gỏi theo Đức Phật nghe được nghĩa như vậy. Như Lai đã chế ra bốn trọng pháp mà nếu giữ gìn thì cũng có thể phạm, cũng không có tội. Ta nay cũng được quả A-la-hán, bốn trí vô ngại mà A-la-hán cũng phạm bốn trọng cấm như vậy. Bốn trọng pháp nếu thật là tội thì A-la-hán nhất định chẳng nên phạm. Đức Như Lai tại thế chế rằng, kiên trì đến khi Niết-bàn thì đều buông bỏ hết”. Vị Tỳ-kheo A-la-hán nói: “Thưa trưởng lão! Ông chẳng nên nói Như Lai rất ráo vào Niết-bàn. Tôi biết Như Lai thường trụ chẳng biến dịch. Đức Như Lai tại thế và sau khi Niết-bàn, thì người phạm bốn trọng cấm tội không sai biệt. Nếu nói A-la-hán phạm bốn trọng cấm thì nghĩa đó chẳng đúng. Vì sao? Vì người Tu-đà-hoàn chẳng phạm giới cấm, huống gì là A-la-hán. Nếu trưởng lão nói, ta là A-la-hán, thì A-la-hán nhất định chẳng sinh ra tư tưởng ta được A-la-hán. A-la-hán thì chỉ nói pháp thiện, chẳng nói pháp bất thiện. Lời nói của trưởng lão đều thuần là phi pháp. Nếu người có được thấy mười hai bộ loại kinh điển thì nhất định biết trưởng lão chẳng phải là A-la-hán”. Nay thiện nam! Bấy giờ, đồ chúng của Tỳ-kheo phá giới liền cùng nhau giết chết vị A-la-

hán. Nay thiện nam! Khi đó Ma vương nhân lòng phần hận của hai chúng đó nên làm hại hết sáu trăm vị Tỳ-kheo này. Bấy giờ, người phàm phu đều cùng nói: “Thương thay! Pháp Phật đến đây đã diệt tận”. Nhưng chánh pháp của Ta thật chẳng diệt. Bấy giờ, nước ấy có mười hai vạn vị Đại Bồ-tát giỏi hộ trì pháp của Ta thì sao nói pháp của Ta diệt? Khi ấy, trong cõi Diêm-phù-đề không có một vị Tỳ-kheo làm đệ tử của Ta. Bấy giờ, ma Ba-tuần dùng lửa lớn đốt cháy tất cả kinh điển. Trong số kinh điển ấy, nếu có cuốn còn sót lại thì các Bà-la-môn liền trộm lấy, khắp nơi nhặt nhạnh đem xếp vào kinh điển của mình. Do nghĩa này nên khi Phật chưa xuất hiện thì các tiểu Bồ-tát cùng theo tín thọ lời nói của Bà-la-môn. Các Bà-la-môn tuy nói: “Ta có trai giới”. Nhưng các ngoại đạo thật ra không có. Các ngoại đạo v.v... tuy nói rằng, có ngã, lạc, tịnh nhưng thật chẳng thể hiểu được nghĩa ngã, lạc, tịnh. Chỉ dùng một chữ, hai chữ, một câu, hai câu của pháp Phật mà nói là kinh điển của Ta có nghĩa như vậy.

Bấy giờ, trong rừng Ta-la song thọ ở thành Câu-thi-na, vô lượng vô biên vô số chúng nghe lời nói này rồi đều cùng xướng lên: “Thế gian rộng không! Thế gian rộng không!”.

Bồ-tát Ca-diếp bảo các đại chúng:

–Các ông chớ ưu sầu gào khóc. Thế gian chẳng rộng không. Như Lai thường trụ, không có biến đổi. Pháp, Tăng cũng vậy.

Bấy giờ, đại chúng nghe lời này rồi không kêu khóc nữa, tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

